

ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT KỊCH THƠ HOÀNG CẨM 1932-1945 TRÊN PHƯƠNG DIỆN ĐỀ TÀI NGÔN NGỮ CỦA LOẠI HÌNH

Nguyễn Văn Lịch

Trung tâm Phát triển giáo dục và đào tạo phía Nam

Ngày nhận bài 10/9/2021, ngày nhận đăng 04/11/2021

Tóm tắt: Bài viết tìm hiểu, nghiên cứu kịch thơ Hoàng Cẩm giai đoạn 1932-1945, xác định những nét đặc sắc nghệ thuật trong kịch thơ Hoàng Cẩm, từ cái nhìn độc đáo về con người và hiện thực đời sống đến các bình diện thi pháp nổi bật như đề tài, nhân vật, ngôn ngữ của loại hình (Kịch thơ)...

Từ khóa: Đặc sắc; nghệ thuật; kịch thơ; Hoàng Cẩm.

1. Từ trước đến nay người ta biết nhiều đến Hoàng Cẩm với tư cách là nhà “thơ Kinh Bắc”, với những tác phẩm được đánh giá cao như *Lá diêu bông*, *Bên kia sông Đuống*... nhưng ít ai biết đến một Hoàng Cẩm là tác giả của những bản kịch thơ tiêu biểu trong giai đoạn 1932-1945. Những tác phẩm của ông có được sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa yếu tố thơ và kịch một cách linh hoạt, hài hòa tạo nên những tác phẩm kịch thơ có giá trị nghệ thuật cao, được giới chuyên môn đánh giá và khán giả kịch chào đón nồng nhiệt. Những tác phẩm này đã được công diễn nhiều lần trước Cách mạng tháng Tám, nhưng từ năm 1946 tới nay ít được quan tâm. Năm 2005, Nghệ sĩ ưu tú Anh Tú quyết định tìm bằng được tác phẩm kịch thơ tâm đắc nhất của nhà thơ Hoàng Cẩm để làm luận văn tốt nghiệp khóa đạo diễn của mình và *Kiều Loan* một lần nữa sống lại trên sân khấu trong niềm rung rung xúc động của tác giả.

2. Lấy sự kiện, nhân vật lịch sử làm đề tài sáng tác, nhưng điều đặc biệt ở kịch thơ Hoàng Cẩm là các câu chuyện, các nhân vật lịch sử được lựa chọn đều là những sự kiện có tính bi kịch cao. Bản chất sự kiện đó đã tạo nên những xung đột, mâu thuẫn mạnh mẽ giữa các thế lực đối kháng trong kịch thơ của ông.

Nội dung chính trong các vở kịch thơ của Hoàng Cẩm là những câu chuyện lịch sử của Việt Nam, xảy ra ở các triều đại nhiều biến động nhất với những cuộc chiến vệ quốc hay những cuộc khởi nghĩa nông dân. Lựa chọn của tác giả hẳn có liên quan đến bối cảnh lịch sử Việt Nam lúc bấy giờ. Trong tình thế đất nước bị xâm lăng, việc lựa chọn đề tài này chính là biểu hiện một cách kín đáo tấm lòng yêu nước của tác giả. Vở kịch thơ *Hận Nam Quan* tái hiện hình tượng người anh hùng - đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi, người có công lớn trong cuộc kháng chiến giặc Minh xâm lược. Hình tượng Nguyễn Trãi được xây dựng qua một chi tiết lịch sử có thật: Năm 1407, nhà Minh xâm lược Đại Ngu, cha con Hồ Quý Ly bị bắt đưa về Kim Lăng. Một số triều thần trong đó có Nguyễn Phi Khanh cũng bị bắt đi cùng. Nguyễn Trãi muốn trọn đạo hiếu bèn đi theo cha, nhưng Nguyễn Phi Khanh khuyên con nên trở về “tìm cách rửa nhục cho nước, trả thù cho cha thì mới là đại hiếu”. Việc lựa chọn chi tiết này đã mang đến cho kịch thơ cảm hứng yêu nước với niềm tự hào về lịch sử dân tộc và ý chí quyết tâm chống giặc ngoại xâm từ hai hình tượng lịch sử Nguyễn Phi Khanh và Nguyễn Trãi. Còn *Kiều Loan* dựng lại hình tượng Gia Long Nguyễn Ánh trên bước đường củng cố vương quyền. Để củng cố vương quyền, vua Gia Long đã

ra tay tàn sát những người theo triều đại cũ để diệt sạch mầm họa. Nguyễn Huệ là một vị anh hùng nhưng đã qua đời, triều đình mà ông để lại khi ấy đã bị bọn tham quan làm cho mục ruỗng, suy yếu. Kiều Loan và chồng, mỗi người theo một lý tưởng khác nhau nên đã xảy ra những chuyện đau lòng. Đây là bi kịch của những cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn mà thời trung đại đã phải chứng kiến trong nhiều thế kỷ, trong đó đau khổ nhất lại là đông đảo nhân dân. Vỡ kịch với tinh thần yêu nước, yêu dân sâu sắc ấy đã bị thực dân Pháp kiểm duyệt gắt gao không cho công diễn ngay từ khi mới ra đời.

Kịch thơ của Hoàng Cầm thực sự là những tác phẩm mạng đậm tinh thần dân tộc. Tác giả gửi vào đó tấm lòng yêu nước thấm kín qua các hình tượng nghệ thuật như Nguyễn Trãi, Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Huệ, Ông già, Người Quê và nàng Kiều Loan... Hình tượng người anh hùng dân tộc hiện lên với những phẩm chất đáng quý, những lý tưởng cao đẹp, tiêu biểu là Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ. Vẻ đẹp của người anh hùng trong kịch thơ Hoàng Cầm được khắc họa trước hết thông qua những vẻ đẹp phẩm chất tâm hồn - điều góp phần quan trọng làm cho nhân vật trở nên chân thực, sinh động và gần gũi. Nguyễn Trãi trong *Hận Nam Quan* thực sự là người con có hiếu, dù trốn được khỏi chốn giam cầm vẫn quyết sang Kim Lăng để những ngày cuối đời được săn sóc cha, đó là những tình cảm rất người, đúng đạo lý. Nguyễn Trãi đứng giữa những nỗi niềm băn khoăn đầy bi kịch giữa chữ hiếu và chữ trung. Nhưng cuối cùng ông đã lựa chọn chữ trung. Lòng yêu nước và niềm tự tôn dân tộc được khắc họa đậm nét trong kịch thơ *Hận Nam Quan*, đặc biệt trong giây phút biệt li của hai cha con Nguyễn Phi Khanh. Đoạn kịch thơ thấm đẫm nước mắt chia li và nỗi đau, nhưng cũng thể hiện lòng quyết tâm phục thù. Tầm nhìn xa rộng của Nguyễn Phi Khanh cũng chính là cái nhìn của cá nhân Hoàng Cầm về lịch sử. Trước bi kịch của non sông, người anh hùng thực sự cần phải dẹp bỏ tình riêng để thực hiện lý tưởng cao đẹp đánh đuổi giặc Minh xâm lược, đem lại thanh bình cho giang sơn, xã tắc.

Phi Khanh:

*A! Nguyễn Trãi! Hãy dẹp tình thâm thiết
Trông đằng sau: xương máu ngập giang sơn
Cha sinh con, nghĩa là gây sức mạnh
Cha nuôi con, là hy vọng về sau
Đến ngày nay, giữa đường cha đứt gánh
Thì con ôi! Tung kiếm cho quên sầu!
Con về đi! Cha vui lòng vĩnh biệt
Con về đi! Rửa nhục cho non sông
Con phải nhớ: con là dòng tuấn kiệt,
Trong người con cuộn cuộn máu anh hùng*

Nguyễn Trãi:

*Một ngày mai, khi Trãi này khởi nghĩa,
Kéo cờ lên, pháp phới linh hồn cha
Gạt nước mắt, con nguyện cầu cùng thiên địa,
Một ngày mai, con lấy lại sơn hà.*

Trong đoạn biệt li đầy nước mắt ấy, Hoàng Cầm còn dựng lại cảnh tang thương điêu tàn của đất nước trước sự tàn phá của kẻ thù. Ông bày tỏ niềm tự hào về truyền thống anh hùng bất khuất của đất nước Đại Việt nghìn năm - truyền thống làm nên sức mạnh dân tộc. Hoàng Cầm đã cho chúng ta thấy lòng căm thù giặc Minh xâm lược sục sôi của những

người dân Đại Việt. Có thể nói Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, thiếu nữ đều là hình tượng những người dân yêu nước mà tác giả khắc họa trong tác phẩm :

*Ôi! Kiêu hãnh là những trang niên thiếu
Tự nghìn xưa không nhứt chí anh hào!
Gái cùng trai trên non sông gấm vóc
Đã thêu bằng huyết lệ, bằng guơm đao
Những trang sử đẹp như vàng với ngọc*

Hình tượng người anh hùng với cảm hứng yêu nước không chỉ xuất hiện trong *Hận Nam quan* mà cả trong *Kiều Loan*. Có thể thấy vẻ đẹp đó vẫn hiện lên sau những lời ngợi ca của những nhân vật kịch thơ với một thái độ thành kính ngưỡng vọng. Nguyễn Huệ là con người mang chí lớn với những chiến công hiển hách vang dậy cả non sông, những trận chiến huy hoàng được ghi vào sử sách:

*Người chuyển rung bốn bể
Hương nước dựng lên áo vải cờ đào
Đôi mắt Người rực sáng vì sao
Cứu dân tộc khỏi nanh hùm vuốt sói
Quả ngọt hoa thơm cho người nghèo đói
Tiếng hát lời ca cho khắp dân lành*

Nghiệp anh hùng chưa hoàn thành thì không cưỡng lại được mệnh trời, người anh hùng đã rời bỏ non sông để lại chí lớn dở dang và nỗi đau cho muôn dân: *Ai ngờ thấp thoáng núi Tây Sơn/ Đã đổ xuống chỉ còn mô đất nhỏ*. Mâu thuẫn giữa lí tưởng lớn lao và hiện thực lịch sử phũ phàng đã làm cho hình tượng người anh hùng này mang một vẻ đẹp bi tráng.

Những con người trong kịch thơ của Hoàng Cầm, phần lớn đều là những người anh hùng bất đắc chí, đều đang trong cảnh ngộ bi kịch: Người bị nhốt cũi đưa về Chi Lăng hành quyết; kẻ bị giam cầm trốn tự giải thoát để đi tìm minh chủ xây dựng nghiệp lớn tương lai; người nằm dưới nắm mộ sâu khi chí lớn chưa thành, còn cơ nghiệp dựng lên dần tan thành mây khói. Hình tượng người anh hùng thất thế của kịch thơ Hoàng Cầm cũng là nét chung trong quan niệm nghệ thuật của trào lưu lãng mạn trong văn học 1932-1945.

Hình tượng người dân yêu nước cũng được tác giả khắc họa một cách đặc sắc trong kịch thơ. Đó là người thiếu nữ trong *Hận Nam quan*, *Kiều Loan*, Ông già say, Người Què trong *Kiều Loan*. Họ là những người ủng hộ, say mê lí tưởng, nhưng cũng bất lực trước thực tại. Đặc biệt ở *Kiều Loan*, xung đột mạnh mẽ giữa hai thế lực trong xã hội tạo nên bi kịch cá nhân sâu sắc, không thể dung hòa. Hoàng Cầm đã nói: “Đối sánh giữa *Kiều Loan* và người chồng của mình, tôi không có ý tôn vinh ai chính nghĩa, tố cáo ai phản động, mà khắc họa vào bi kịch tình yêu và bi kịch của sự đối đầu lí tưởng. Gia Long Nguyễn Ánh trên bước đường củng cố vương quyền đã ra tay tàn sát những người theo triều đại cũ để diệt sạch mầm họa. Nguyễn Huệ là một vị anh hùng rất vĩ đại nhưng đã qua đời, và triều đình mà ông để lại khi ấy đã bị bọn tham quan làm cho mục ruỗng, suy yếu. *Kiều Loan* và chồng, mỗi người theo một lí tưởng khác nhau nên đã xảy ra những chuyện đau lòng. Đó cũng là nỗi đau của lịch sử dân tộc khi xưa, từng có những thời kỳ sau khi quét sạch ngoại xâm giành lại hoà bình, những mâu thuẫn lại nảy sinh để rồi bùng lên cuộc nội chiến tương tàn. Và gánh chịu đòn đau lại chính là người dân và quê hương” (Hoàng Cầm, 2009).

Vở kịch thơ đã tái hiện không khí thời đại với bối cảnh đầy tang thương chết chóc. Cuộc tranh giành quyền lực của hai tập đoàn phong kiến làm cho bao gia đình tan cửa nát nhà, non sông tiêu điều xơ xác. Qua chính khung cảnh xã hội này, Hoàng Cầm ngẫm về hiện không khí ngột thở của những năm phát xít Nhật chiếm đóng, gây ra không biết bao tang thương chết chóc cho đồng bào ta. Cần chú ý là hình tượng Kiều Loan được gọi cảm hứng từ cái chết của Minh Loan, một người đẹp Hà Thành lúc bấy giờ bị Nhật hãm hại vì mục đích chính trị. Tình cảm mà Hoàng Cầm dành cho Kiều Loan thực sự tạo ấn tượng chân thực cho tác phẩm.

Kịch thơ Hoàng Cầm cũng quan tâm xây dựng những bi kịch về tình yêu đôi lứa với những xung đột mạnh mẽ. Xung đột kịch chủ yếu xoay quanh sự đối lập giữa tình yêu đôi lứa và lí tưởng sống mà cá nhân theo đuổi. Bi kịch này diễn ra sâu sắc nhất và được tác giả xây dựng công phu, độc đáo và bằng hình tượng tiêu biểu là hai nhân vật kịch: Kiều Loan và Vũ Văn Giỏi. Hai vợ chồng yêu thương nhau tha thiết cùng chung lí tưởng và khát vọng lớn, muốn theo gót Nguyễn Huệ để xây dựng một triều đại hưng thịnh, nhưng cuối cùng mộng lớn không thành vì triều đại Tây Sơn sụp đổ, người chồng theo Nguyễn Ánh, bỏ người vợ trẻ đi biên biệt mười năm. Vợ chờ chồng trong li loạn và vô vọng. Nàng trở nên điên loạn, đi lang thang khắp kinh thành Phú Xuân và nói những điều bất lợi cho triều đình. Không thể công khai diệt trừ người phụ nữ ấy, sợ Vũ Văn Giỏi (lúc bấy giờ đã là tướng của nhà Nguyễn) bất bình và có thể làm phản, Nguyễn Ánh đã sai người đánh thuốc độc nhằm thủ tiêu nàng.

Cốt truyện kịch không chỉ mang bi kịch tình yêu. Hai con người dù yêu nhau tha thiết nhưng lí tưởng sống hoàn toàn đối lập. Điều đó đã làm tan vỡ mái ấm gia đình, một tình yêu tưởng như không gì chia cắt nổi. Tình yêu của nàng Kiều Loan và Vũ Văn Giỏi được khắc họa qua lời như ngây dại của nàng :

*Tôi nhớ chàng, đôi mắt trong như ngọc
Tôi tìm chàng cạn sông rồi lở núi
Suốt mười năm, bao giận hờn buồn tủi
Nước mắt này gấp mấy sóng Châu Giang?
Ngày ra đi, chàng cũng mặc áo này
Cũng thanh gươm buộc dải lụa hồng bay
Cũng đôi mắt thiết tha, và giọng nói
Cứ rung rung từ lưng chừng ngọn suối
Cũng say mê...*

Tình yêu trong lòng Kiều Loan vẫn nguyên vẹn. Những kí ức về người chồng yêu thương vẫn tồn tại bên cạnh những lời trách đầy hờn tủi, với sự dằn xé đau đớn giữa tình yêu và lòng thù hận. Nàng cho rằng chồng nàng là kẻ phản bội lại tình yêu và lí tưởng cao đẹp, ham bá công danh quên nghĩa vợ chồng:

*Chàng là người phụ bạc, chàng quên tôi.
Tôi tìm chàng cạn sông rồi lở núi.
Suốt mười năm, bao giận hờn buồn tủi
Tôi đặt tên chồng tôi là phản bội.*

Nỗi đau của Kiều Loan là nỗi đau của một người phụ nữ bị phụ tình và cũng là nỗi đau của một con người bị phản bội niềm tin. Hình tượng Vũ Văn Giỏi được Hoàng Cầm xây dựng không chỉ là một tướng quân có tài thao lược trung thành tuyệt đối với Nguyễn

Ánh mà còn là một người chồng vẫn dành cho người vợ của mình những tình yêu thương tha thiết. Chàng vẫn nhớ những kỉ niệm ái ân vợ chồng từ thuở thanh mai trúc mã, công ơn của vợ đối với mình thuở hàn vi và tìm cách cứu nàng khỏi ngục tù của Nguyễn Ánh:

*Càng xa xôi, càng lại thấm lòng yêu
Sớm nay vọng lại thời trai trẻ
Tình ngày xưa thấm sâu như rốn bể*

Nhưng bên cạnh tình yêu thương, nghĩa vợ chồng thì Vũ tướng quân lại bị chữ trung níu giữ. Xung đột giữa tình với chữ trung khiến Vũ Văn Giỏi rơi vào một mâu thuẫn đầy bi kịch: không dám công khai nhận vợ, nhưng lại muốn cứu vợ khỏi ngục tù - muốn có cuộc sống gia đình hạnh phúc bên vợ hiền nhưng không muốn từ bỏ mộng vinh hoa. Hoàng Cầm không chỉ tạo ra xung đột lí tưởng giữa hai thế lực xã hội đối lập, hai con người mâu thuẫn nhau về quan điểm tư tưởng mà còn tạo nên xung đột và mâu thuẫn trong chính một con người. Đó là những mâu thuẫn không dễ gì hóa giải và dẫn đến kết thúc đầy đau đớn của nhân vật. Việc Kiều Loan dùng thanh kiếm, vật đính ước tình yêu của hai người, giết Vũ tướng quân rồi tự sát ở cuối tác phẩm là mở nút cho vở bi kịch. Trước cái chết đã cận kề, Vũ tướng Quân nhận ra rằng tất cả đã muộn màng. Chàng đã nhận ra rằng mười năm theo đuổi mộng công danh, rốt cục không có ý nghĩa gì. Vợ kịch kết thúc, họ gục bên nhau đi vào cõi vĩnh hằng.

Kiều Loan là hình ảnh một người phụ nữ đẹp, sống có lí tưởng, mang nặng một tình yêu tha thiết nhưng chính mối tình ngang trái đã đem đến một bi kịch đẫm máu và nước mắt. Cô ấy thích chần tằm dệt vải trong mái ấm gia đình. Yêu chồng, chung thủy tuyệt đối, nhưng Kiều Loan cũng là biểu tượng của phẩm giá một dân tộc. Phẩm giá ấy không chấp nhận làm nô lệ cho những triều đại bạo ngược, hại dân. Kiều Loan yêu tráng sĩ họ Vũ, hơn thế cô ấy còn thần tượng chàng. Nhưng cô ấy phải giết chàng để không phải nhìn thấy chàng sai lầm hơn nữa. Đó là hành động tuyệt vọng cứu lấy tình yêu, cứu lấy một nhân cách... Khoảnh khắc đó rất bi tráng

Bi kịch tình yêu và lí tưởng đã trở thành chủ đề lớn nhất của kịch thơ Hoàng Cầm. Nhưng trong *Kiều Loan*, chúng ta còn bắt gặp những triết lí sống sâu sắc mà ngay ở thời hiện tại vẫn thực sự có ý nghĩa. Những lời thoại của nhân vật khiến kịch thơ Hoàng Cầm mang tính đa nghĩa và thực sự để lại ấn tượng thấm mĩ sâu sắc cho người đọc. Kịch thơ của Hoàng Cầm thực sự là những vở kịch đạt đến đỉnh cao của thể loại kịch thơ thời kì này xét về cả nội dung và nghệ thuật, đem lại tiếng nói mang tinh thần dân tộc và giá trị nhân văn cao đẹp.

3. So với kịch thơ của các kịch gia cùng thời, kịch thơ Hoàng Cầm là dài nhất về số lượng câu chữ, có nhiều xung đột, hành động kịch đem đến cho người tiếp nhận những giá trị về nghệ thuật kịch. Kịch thơ Hoàng Cầm là loại kịch bản thơ ra đời là để được đưa lên sân khấu, sống trên sân khấu, chứ không là kịch thơ chỉ để đọc như kịch thơ một số tác giả khác.

Cốt truyện kịch thơ Hoàng Cầm thực sự là những câu chuyện có nhiều tình tiết hấp dẫn dễ gây ấn tượng. Hoàng Cầm đã xây dựng những tình huống lấy từ những sự kiện lịch sử có thật đưa vào tác phẩm một cách khéo léo đầy kịch tính và sâu sắc mà không hề lạm dụng lịch sử. Chuyện kể về sự kiện Nguyễn Trãi định theo cha sang Kim Lăng để đỡ đần cha lúc tuổi già, nhưng người cha với tấm lòng yêu nước đã thuyết phục con trở về xây dựng đại nghiệp. Tình huống được lựa chọn nơi ải Nam Quan - nơi giáp ranh giữa Đại Việt

và Trung Hoa, địa danh ghi dấu ấn thù nhà, nợ nước. Tình huống kịch sâu sắc được tác giả tạo nên trong cuộc tranh luận nảy lửa của hai cha con Nguyễn Trãi về lí tưởng yêu nước và tinh thần dân tộc, từ đó có thể nhận ra được những suy tư của tác giả về đất nước và lịch sử dân tộc. Trong vở kịch có tình huống gặp gỡ của Nguyễn Trãi với người thiếu nữ xinh đẹp trong rừng cũng được tạo ra nhằm khẳng định quyết tâm vì nghiệp lớn của Nguyễn Trãi. Vì khát vọng thực hiện lí tưởng người anh hùng sẵn sàng từ bỏ hạnh phúc lứa đôi vừa chớm nở. Cái nhìn lãng mạn của tác giả thể hiện rõ qua những tình huống kịch này.

Kết cấu kịch thơ Hoàng Cầm có đầy đủ các yếu tố để tổ chức một tác phẩm dài hơi và giàu tính kịch. *Kiều Loan* là một trong những tác phẩm có kết cấu đặc sắc. Mở đầu, tác giả đã vẽ ra một không gian lịch sử đầy tang thương, xơ xác và kết thúc là tình huống bi kịch vợ giết chồng. Một vở kịch được xây dựng bởi một chuỗi dài những bi kịch của thời đại nhiều nhượng, bằng tình huống kịch đặc sắc, mâu thuẫn cao độ, hệ thống nhân vật kịch đa dạng, đa tính cách và hành động kịch diễn ra liên tiếp tạo nên những bất ngờ cho tác phẩm. So với *Kiều Loan*, trong *Hận Nam Quan* chất thơ lẫn át tính kịch hơn. Sức mạnh của tính chất trữ tình đã tạo nên kiểu kết cấu chủ yếu là theo sự dẫn dắt của cảm xúc cái tôi cá nhân. Hoàng Cầm đã chọn những hình thức nghệ thuật phù hợp nhất với nội dung của tác phẩm. Với mỗi tác phẩm, tác giả lại chọn cho mình kiểu kết cấu riêng theo mục đích sáng tạo nghệ thuật.

Trong cả hai tác phẩm, Hoàng Cầm đã chọn đối thoại kịch để thể hiện những, tình huống, mâu thuẫn, tính cách và lí tưởng sống của nhân vật nhằm phục vụ chủ đề tư tưởng của tác phẩm, tạo nên những nhân vật mang tính điển hình. Kịch thơ *Hận Nam Quan* không xuất hiện hai nhân vật đối kháng, đối thoại chỉ diễn ra giữa những con người gần gũi với nhau và hết lòng yêu thương nhau. Vì vậy bản chất lời thoại rất giàu cảm xúc và mang tính trữ tình, rất đặc trưng cho thời đại Thơ mới: “Có vở *Hận Nam Quan* đang lộ rõ dấu vết của sự minh họa các bài Thơ mới của tác giả” (Đỗ Đức Hiếu và cộng sự, 2004). Lời thoại của nhân vật Nguyễn Trãi và Phi Khanh thể hiện hai quan điểm đối lập nhau về chữ trung và chữ hiếu trong quan điểm của người con đầy tình yêu thương dành cho người cha già. Nguyễn Phi Khanh với những lời thoại đầy kiên quyết để thuyết phục con mình trở lại quê hương nên lời thoại có phần gay gắt hơn, nhưng vẫn thể hiện được tình yêu thương, niềm tin của cha dành cho con.

Lời thoại trong *Hận Nam Quan* thực sự đem đến cho người đọc hai cảm giác đan xen vừa rất kịch vừa rất thơ, vừa thể hiện được cá tính, phẩm chất của nhân vật anh hùng nhưng cũng thiết tha lãng mạn bởi những khát vọng cao cả, đẹp đẽ của con người. Đặc biệt là đoạn đối thoại giữa người Thiếu nữ và Nguyễn Trãi lại càng thể hiện được được tính cách của người anh hùng. Đó không chỉ là con người chỉ biết đến lí tưởng, mà còn là con người với cảm xúc rất đời thường:

Ôi quuyền rũ đôi mắt người tuyệt sắc
Biết làm sao cưỡng lại được ân tình!
Để ta đi!...

Thôi em về nhớ thương dành để dạ
Cho ta đi quấy nhẹ gánh sơn hà

(Lời Nguyễn Trãi - *Hận Nam Quan*)

Sử dụng lời đối thoại bằng thơ là một thể mạnh của Hoàng Cầm. Bản thân thơ của ông đã là loại thơ chứa nhiều lời thoại của cái tôi đa xúc cảm. Với lời thoại trong *Kiều Loan* người đọc có thể nhận ra đó là lời người phụ nữ trong trạng thái điên loạn, nhưng ẩn

đăng sau đó là cả một con người có lí tưởng, thủy chung và giàu khao khát. Những lời thoại của nàng trên đường chạy loạn là những lời ngợi ca lí tưởng cao đẹp mà nàng luôn hướng tới, là lời oán trách người chồng phụ bạc, là lời chửi rủa đầy oán hận đối với thế lực độc ác vô nhân gây ra bao tang thương cho dân tộc, đất nước ... Lời của Kiều Loan lúc âu yếm, yêu thương:

*Vợ chồng tôi như đôi lá tròn xinh
 Kết một cánh nhịp nhàng âu yếm mãi
 Khi thì đau đớn, trách hận:
 Chồng tôi phiêu bạt phương nào
 Mà đây vó sắt dẫm vào tuổi thơ
 Lúc chua chát, điên dại:
 Tôi lại điên! Lại dong đường hát nhảm!
 Máu nhuộm tóc. Tôi cười lên thê thảm
 Tôi hát rằng: ta muốn xé trời xanh
 Cầm dao chọc thủng mắt mình
 Đỡ nhìn con bão tan tành nước non*

Những câu thơ giàu hình tượng và mang đầy cảm xúc điên loạn nhưng đầy bi kịch được tác giả cho Kiều Loan thổ lộ ở cuối tác phẩm:

*Ô này xanh biếc cõi âm
 Chàng đi ngàn dặm em nằm mây cao
 Nhớ như nhan sắc máu trào...
 Mời chàng lên giải mây cao
 Bẻ phăng kiếm báu trôi vào mộng xưa
 Ngựa hồng ai cưỡi bao giờ
 Xe ai chuyển bánh trắng mờ đêm nay*

Đây là một phức hợp tâm trạng đầy giằng xé, đau thương trong một con người. Các nhân vật khác tuy không tên hay chỉ chức danh nhưng tất cả đều có tính cách, hành động, tác động đến diễn biến của kịch thơ. Ông già, Người Què, Hiệu úy, Tham tri, Thị lang... mỗi nhân vật một tính cách đều thể hiện qua đối thoại. Lời đối thoại của ông già đã cho thấy nột con người khảng khái bất đắc chí, mượn những cơn say để nói chuyện đời; Người Què sống với vinh quang quá khứ, hiện tại phó mặc số phận, bán rẻ nhân tâm và khí phách; Hiệu Úy thâu tình đạt lí, thẳng thắn bộc trực, tôn trọng lẽ phải và tôn thờ cái đẹp; Thị Lang là kẻ nịnh thần, độc ác... Qua lời thoại, tác giả đã dựng lên cả một xã hội với đầy đủ những hạng người với những cá tính khác biệt, độc đáo, góp phần tạo nên sức cuốn hút của vở kịch.

Ngôn ngữ độc thoại trong kịch của Hoàng Cầm ít hơn so với các vở kịch thơ ra đời trước đó, nhưng khoảng cách giữa đối thoại và độc thoại không xa bao nhiêu (chẳng hạn rất khó phân biệt ngôn ngữ đối thoại và độc thoại của Kiều Loan). Hoàng Cầm sử dụng trong kịch nhiều thể thơ xen kẽ, từ lục bát đến thơ 5 chữ, 8 chữ, thơ 7 chữ. Chính việc sử dụng đa dạng thể thơ ấy tạo nên sự đa dạng trong âm hưởng của vở kịch.

Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố kịch và thơ đã tạo nên thành công cho những vở kịch thơ của Hoàng Cầm. Khi được hỏi về cảm nghĩ khi giờ đây *Kiều Loan* được chính thức dựng lại trên một sân khấu chuyên nghiệp, nhà phê bình sân khấu Lê Quang Vinh nói: “Ba mươi năm nhìn lại, với con mắt của người được nghiên cứu kỹ lưỡng hơn, tôi càng

thấy kịch bản viết quá giỏi. Lời thơ vốn rất dễ làm chậm hành động kịch, ấy thế mà vẫn cuốn người xem đến tận cùng bởi quá đẹp, quá hào hùng” (Phan Huy Dũng, 2009). Ngôn ngữ kịch thơ Hoàng Cầm ở cả hai vở đều đầy chất thơ mà không làm cho hành động kịch và xung đột kịch bị đình trệ. Kịch thơ Hoàng Cầm vừa có tính nhạc âm điệu thơ buồn man mác như trong các tác phẩm thơ của ông, nhiều câu thơ mang tính tượng trưng cao như thơ trữ tình trong Thơ mới:

*Tôi đứng chờ khuya xanh biếc ngõ
Trăng khuya cúi mặt nhớ phương trời
Rượu ngập hàm dương mất đi kì
Cười rụng đầu người thuyền xuôi máu đỏ
Ta vương tình, trắng nõn áo cung phi.*

Tất cả các hình ảnh thơ đều đầy ám ảnh đối với người đọc. Những thủ pháp nghệ thuật trong kịch thơ cũng được tác giả vận dụng một cách triệt để, tạo nên những hình ảnh đa nghĩa và có tính trữ tình sâu sắc. Vẫn trong kịch thơ Hoàng Cầm chủ yếu là vần chân nhằm tạo nhạc điệu trầm buồn, nhưng cũng có đoạn nhịp thơ lại dồn dập bi tráng. Đặc biệt là khi khắc họa hình tượng anh hùng trên chiến trận, tác giả lại đột ngột chuyển cách gieo vần chân sang vần lưng hoặc dùng cách gieo vần trắc ở cuối dòng, tạo nên những sắc thái nghệ thuật khác cho câu thơ. Kịch thơ Hoàng Cầm đặc biệt được trau chuốt và gọt dũa về ngôn từ. Nhiều câu thơ đẹp trong kịch thơ, nếu tách hẳn ra khỏi vở kịch vẫn có thể là những bài thơ chứa một cảm xúc lạ lùng:

*Độ ấy mùa xuân ghen mái tóc
Chồng tôi say đổ nắng trai tơ
Mái gianh nghiêng rót tình phong nhụy
Hoa khế hương vàng, gọi chẳng thưa
Luyện kiếm vườn mai, chim khúc khích
Cười đôi lúa trẻ quá làm thơ
Vội vàng dăng áo che nhan sắc...*

Có lẽ tình yêu là ám ảnh lớn đối với cuộc đời Hoàng Cầm, nên ngôn ngữ tình yêu trong thơ ông là thứ ngôn ngữ có thần nhất. Trong kịch thơ khi nói về tình yêu, những lời hội thoại bỗng trở nên ngọt ngào mang hương vị, cảm xúc rất Hoàng Cầm:

*Trong thương nhớ, em sẽ thành ngọn suối
Ngã trên đèo in mãi bóng người xa
Miền sơn lâm tình yêu không đếm tuổi
Dòng suối kia muôn thuở vẫn không già.*

Ngôn ngữ trong kịch thơ vẫn mang cái tình đậm đà, tha thiết như trong những bài thơ tình của một thi sĩ suốt đời đi tìm tình yêu. Kịch thơ của ông tuy là viết về thời đại trước đó nhiều thế kỉ nhưng không gượng gạo kiêu cổ trang, mà thể hiện rất phù hợp với hiện thực; đề tài cũ nhưng lại khoác lên một chiếc áo tân thời, tài năng của người nghệ sĩ đã tạo nên những tác phẩm kịch thơ giàu giá trị ngôn ngữ nghệ thuật.

Mặc dù, cây đàn thơ Hoàng Cầm đã lặng tắt, ông đã đi vào cõi thiên thu, chính thức là người của cõi khác, cho dù tiếng tơ đồng của cây đàn thơ Hoàng Cầm đã tắt lặng, nhưng dư âm của nó vẫn ngân nga, vọng mãi trên thi đàn, trong lòng người và nhân thế. Chúng tôi, những người nghiên cứu đề tài này cũng muốn khẳng định rằng không chỉ trên thi đàn mà trong lãnh địa kịch Việt Nam, kịch thơ của Hoàng Cầm vẫn sẽ sống mãi với thời gian.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoàng Cầm (2008). Ai là tác giả của kịch thơ *Bóng giai nhân*. Nguồn: <http://vannghecongcuulong.org.vn>
- Hoàng Cầm (2009). Phát biểu về hình tượng nhân vật lịch sử trong kịch thơ *Kiều Loan*.
- Phan Huy Dũng (2009). *Tác phẩm văn học trong nhà trường phổ thông một góc nhìn, một cách đọc*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Hoài Hương (2005). Hồi âm kịch thơ Hoàng Cầm. *Báo tuổi trẻ*.
- Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá, (đồng chủ biên), (2004). *Từ điển văn học bộ mới*. Hà Nội: NXB Thế giới.
- Tùng Sơn (2008). Kịch thơ là thứ “hàng xa xỉ”. *Báo Thể thao và Văn hoá*.
- Nguyễn Thị Minh Thái (2019). Một tâm huyết với kịch thơ. *Báo Nhân Dân*.
- Hoài Việt (1995). *Kịch thơ Việt Nam*. NXB Văn hóa thông tin.

SUMMARY

ARTISTIC FEATURES OF HOANG CAM’S POETIC DRAMA IN 1932-1945 ON THE ASPECT OF LANGUAGE TOPIC

Nguyen Van Lich

Southern Center for Education and Training Development

Received on 10/9/2021, accepted for publication on 04/11/2021

The article explores and studies Hoang Cam’s poetic drama in the 1932-1945 period, identifying artistic features in Hoang Cam’s poetic drama, from a unique perspective on people and real life to its outstanding features, including the subject, the character, and the language of the type....

Keywords: Artistic features; art; poetic drama; Hoang Cam.